

Bản án số: 382/2024/DS-ST
Ngày 19 – 12 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Thái Hoàng Bo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 782/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài và hụi sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 476/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thu P, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng T; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2024, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thu P trình bày: Vào ngày 09/6/2023 bà cho bà T mượn số tiền 60.000.000 đồng. Khi mượn bà T hứa 06 tháng trả, nhưng đến nay bà T không trả.

Vào ngày 09/11/2023 bà mở dây hụi 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 30 chung, bà T tham gia 02 chung. Khi tham gia bà T đóng được 11 lần thì ngưng không đóng tiếp. Số tiền đóng 11 lần x 1.000.000 đồng x 02 chung = 22.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình đóng hụi bà T đóng không đủ, còn nợ bà số tiền 7.100.000 đồng, nhưng tại phiên tòa bà T cho rằng đã đóng hụi đủ 11 lần cho bà, không thừa nhận đóng hụi còn thiếu bà 7.100.000 đồng. Bà đồng ý đối trừ số tiền bà T đã đóng hụi cho bà 22.000.000 đồng, số tiền bà T còn thiếu bà 38.000.000 đồng.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Hồng T trả bà số tiền còn thiếu 38.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày: Trước đây bà có tham gia hội của bà P mở ngày 09/11/2023 âl, hội 1.000.000 đồng, tháng khai một lần, gồm 30 chung, bà tham gia 02 chung. Khi tham gia bà đóng từ 1.500.000 đồng, đến 1.700.000 đồng/lần đóng, bà đóng được 11 lần bà P không cho bà tham gia tiếp. Số tiền bà đóng 11 lần x 1.000.000 đồng x 02 chung = 22.000.000 đồng.

Đối với biên nhận nợ bà xác định bà có ký biên nhận nợ, nhưng thực tế bà vay bà P 7.500.000 đồng, sau khi vay bà tham gia chân hội 2.000.000 đồng và trả cho bà P được 24.000.000 đồng, sau đó bà tiếp tục đóng lãi cho bà P, nhưng đóng không đủ, bà P tính lãi nhập vốn và bà P lại nhà bà chửi bới, gây áp lực với gia đình bà nên bà ký nhận với bà P số tiền 60.000.0000 đồng. Hiện bà gặp khó khăn và đóng lãi cho bà P đã nhiều.

Nay bà yêu cầu đối trừ số tiền hội bà đóng cho bà P 22.000.000 đồng, số tiền còn lại bà không đồng ý trả cho bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc bà T cho rằng bà vay bà P 7.500.000 đồng, sau đó bà P tính lãi nhập vốn tổng số tiền 60.000.0000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo bà T trình bày, trước đây vay bà P 7.500.000 đồng, sau khi vay bà tham gia chân hội 2.000.000 đồng và trả cho bà P được 24.000.000 đồng, tiếp đó bà tiếp tục đóng lãi cho bà P, nhưng đóng lãi không đủ, bà P tính lãi nhập vốn, sau do bà P đến nhà bà chửi bới, gây áp lực với gia đình bà nên bà ký biên nhận nợ với bà P số tiền 60.000.0000 đồng. Ngoài lời trình bày ra, bà T không có căn cứ nào chứng minh việc bà vay bà P 7.500.000 đồng và bà P không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà.

[2] Xét bà P yêu cầu bà T trả số tiền vay còn thiếu 38.000.000 đồng Hội đồng xét xử thấy rằng, theo phân tích tại đoạn [1], cũng như, theo biên nhận nợ ngày 09/6/2023 âl có nội dung “*Tôi tên Nguyễn Hồng T, sinh năm 1964; ở ấp T, xã T, huyện Đ, Cà Mau. Tôi có mượn của cô P số tiền 60.000.000 đồng (sáu chục triệu đồng). Thời hạn tôi hứa sáu tháng sẽ trả đủ số tiền 60 chục triệu cho cô P, người cho mượn, người nhận tiền ký tên Lê Thu P, Nguyễn Hồng T*”. Tại phiên tòa, bà P đồng ý đối trừ tiền hội bà T đóng 22.000.000 đồng, bà P yêu cầu bà T trả số tiền 38.000.000 đồng. Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P. Buộc bà T trả cho bà P số tiền vay còn thiếu 38.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó, buộc T phải chịu án phí số tiền 1.900.000 đồng (38.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu P.

1. Buộc bà Nguyễn Hồng T trả cho bà Lê Thu P số tiền 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thu P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà P 1.128.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002175 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Nguyễn Hồng T phải chịu 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Lê Thu P và bà Nguyễn Hồng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Giang Nam

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 19 tháng 12 năm 2024

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang N.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim K và ông Thái Hoàng B.

Tiến hành nghị án vụ án Dân sự thụ lý số: 782/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hui giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thu P, sinh năm 1968.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU****1/ Về điều luật căn cứ:**

Căn cứ vào điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

2/ Xử:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu P.

1. Buộc bà Nguyễn Hồng T trả cho bà Lê Thu P số tiền 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

3. Các vấn đề khác:

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thu P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà P 1.128.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002175 ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Bà Nguyễn Hồng T phải chịu 1.900.00 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về kháng cáo: Bà Lê Thu P và bà Nguyễn Hồng T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3 (100%)

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 19 tháng 12 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa